CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM NGHIỆM THỰC PHẨM VÀ MÔI TRƯỜNG NAVITEK
NAVITEK FOOD & ENVIRONMENTAL TESTING JSC.
VIMCERTS 304

KQ/260005686
No.: NA260327-04CT01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)

VILAS 1399

Tên khách hàng/ *Customer* : **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HUY HOÀNG**

Địa chỉ/ *Address* : 14 Đường 31C, Khu phố 5, Phường Bình Trưng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location* : **CÔNG TY TNHH BROTEX (VIỆT NAM) NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI MÀU BROTEX (VIỆT NAM)** - Lô số 29-1 đến 29-11, 29-12a, 29-12b,29-14 đến 29-18, 31-1 đến 31-11, 31-12a, 31-12b, 31-14, 34-1 đến 34-11, 34-12a, 34-12b, 34-14 đến 34-18, KCN Phước Đông, Phường Gia Lộc, Tỉnh Tây Ninh

Tên mẫu/ *Name of sample* : Chất thải

Số lượng/ *Quantity* : 01 mẫu

Ngày lấy mẫu/ *Date of sampling* : 27/03/2026

Ngày trả kết quả/ *Date of result* : 17/04/2026

Mô tả mẫu/ *Description* : Mẫu chứa trong túi nhựa.

TT *(No.)*	Chỉ tiêu *(Characteristic)*	Đơn vị *(Unit)*	Phương pháp thử *(Test method)*	Giới hạn phát hiện *(Limit of detection)*	Kết quả *(Result)*	QCVN 07:2025/ BTNMT
					CT01	Ngưỡng nồng độ ngâm chiết/ *(Leaching concentration threshold (Ctc))*
1	Crôm VI (Cr^{6+})/ *Hexavalent chromium*	mg/L	US EPA 1311 US EPA 7196A	0,015	KPH	-
2	Bạc (Ag)/ *Silver*	mg/L	US EPA 1311 US EPA 7000B	0,03	KPH	-
3	Asen (As)/ *Arsenic*	mg/L	US EPA 1311 US EPA 6010D	0,03	KPH	**5**
4	Bari (Ba)/ *Barium*	mg/L	US EPA 1311 US EPA 6010D	0,03	0,29	**100**
5	Cadimi (Cd)/ *Cadmium*	mg/L	US EPA 1311 US EPA 7010	0,0002	KPH	**1**
6	Coban (Co)/ *Cobalt*	mg/L	US EPA 1311 US EPA 6010D	0,03	KPH	**80**
7	Thủy ngân (Hg)/ *Mercury*	mg/L	US EPA 1311 US EPA 7470A	0,0003	KPH	**0,2**
8	Niken (Ni)/ *Nickel*	mg/L	US EPA 1311 US EPA 6010D	0,03	KPH	**70**
9	Chì (Pb)/ *Lead*	mg/L	US EPA 1311 US EPA 6010D	0,03	KPH	**5**
10	Selen (Se)/ *Selenium*	mg/L	US EPA 1311 US EPA 7010	0,0015	KPH	**1**
11	Kẽm (Zn)/ *Zinc*	mg/L	US EPA 1311 US EPA 6010D	0,03	0,32	-

KQ/260005686
No.: NA260327-04CT01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo, không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement, Partial copies of this test result sheet are not allowed;

- Các thông tin về mẫu (Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng) do khách hàng cung cấp / The sample information (Sample name, sample code, customer name) is provided by the customer;

- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 7 days after released the test results;

- QCVN 07:2025/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại/ National technical regulation on hazardous waste thresholds;

- (-): Không quy định/ No specified;

- KPH: Không phát hiện/ Not detected;

- CT01: Mẫu xỉ than lò hơi – Khu A. Tọa độ: 11°8'57,483"N – 106°19'41,127"E.

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)

Nguyễn Tuấn Huy

TỔNG GIÁM ĐỐC
(GENERAL DIRECTOR)

M.S.D.N: 0316383817 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM NGHIỆM THỰC PHẨM VÀ MÔI TRƯỜNG NAVITEK
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hoàng Hoài